

Bản án số: **109** /2026/HS-ST

Ngày: 30/07/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Phương

+ Ông Đào Xuân Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 07 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Tiến T, sinh năm 1987; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn D (nay là thôn A), xã K, tỉnh Ninh Bình tỉnh Ninh Bình. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số căn cước công dân: 0370870026xx cấp ngày 20/05/2023, Nơi cấp: Bộ C.

Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1960; con bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1960; cả cha và mẹ đang cư trú tại xã K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Đào Thị Thu H1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: có một con, sinh năm 2009

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 46/HSST ngày 08/6/2007 của TAND tỉnh Thái Bình cũ nay là TAND tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2008 và đã nộp án phí ngày 07/09/2007. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2026 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn A (nay là thôn E), xã K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1960 (Mẹ đẻ bị cáo); địa chỉ: Thôn D (nay là thôn A), xã K, tỉnh Ninh Bình tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Quốc H2, đoàn luật sư tỉnh Ninh

Bình (Có mặt).

- **Người chứng kiến:** Anh Đỗ Văn N1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/11/2025, Phạm Tiến T đi xe khách từ thành phố Hà Nội về đến khu vực chợ C1, xã K, tỉnh Ninh Bình thì xuống xe để đi bộ về nhà. Khi đi bộ đến khu vực thôn A, xã K, Phạm Tiến T phát hiện tại sân trước cửa nhà đang xây dựng của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 có 01 chiếc xe gắn máy hiệu VIET THAI, loại CUB 82 biển kiểm soát: 35AE – 085.56 không có ai trông coi, chia khoá xe đang cắm sẵn ở ổ khoá điện, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. T đi đến chỗ dựng xe, ngồi lên xe mở khoá điện nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà ở thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi về nhà, T cất giấu chiếc xe ở sau khu bếp của gia đình.

Sau khi phát hiện chiếc xe gắn máy đã bị trộm cắp, bà Nguyễn Thị N đã đến Công an xã K, tỉnh Ninh Bình trình báo. Đến ngày 17/11/2025, biết không thể che giấu được hành vi phạm tội, Phạm Tiến T đã đến Công an xã K đầu thú và thừa nhận lấy trộm chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị N. T giao nộp lại 01 xe mô tô loại CUB 82 biển số 35AE – 085.56 kèm theo chìa khoá xe. Ngày 16/01/2026, Công an xã K đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 06/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS xã K kết luận: Giá trị chiếc xe gắn máy hiệu VIET THAI, loại CUB 82 màu xanh, trắng, gắn biển số 35AE - 085.56 tại thời điểm ngày 08/11/2025 là 12.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định Phạm Tiến T bị rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn khác do bệnh não, tổn thương và rối loạn chức năng não. T đã điều trị nhiều ngày tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N và Bệnh viện T1, TP ..

Ngày 15/12/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần số 7357/QĐ-CSHS đối với Phạm Tiến T. Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 410/KLGD ngày 04/3/2026, của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền T đối với Phạm Tiến T như sau:

“Tại thời điểm trong khi thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản":

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70– ICD-10).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại thời điểm hiện tại:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70– ICD-10).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.”

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị N đã nhận lại chiếc xe gắn máy hiệu VIET THAI, loại CUB 82 biển kiểm soát: 35AE – 085.56 kèm theo chìa khoá xe,

bà N đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Tiến T và không có yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy hiệu VIET THAI, loại CUB 82 biển kiểm soát: 35AE – 085.56 kèm theo chìa khóa xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N.

Tại trạng số: 59/CT-VKSKV4 ngày 15 tháng 06 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Tiến T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, giữ nguyên quyết định truy tố; căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm q và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Tiến T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Không phản đối về tội danh mà Kiểm sát viên xác định. Về mức hình phạt đề nghị xem xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nhân thân bị cáo có tiền án nhưng vi phạm do lỗi vô ý, đã được xóa án tích; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa Đại diện hợp pháp của bị cáo có quan điểm: Bị cáo trộm cắp tài sản là sự thật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình trạng bệnh tật của bị cáo cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để gia đình chữa trị chăm lo cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Tiến T thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp của mình; không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án Tòa án đã nêu; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 11 giờ ngày 17/11/2025; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu lập hồi 13 giờ ngày 17/11/2025; Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự xã K, tỉnh Ninh Bình kết luận: Giá trị xe mô tô bị cáo trộm cắp trị giá 12.500.000 đồng.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 12 giờ 30 ngày 08/11/2025, tại sân trước cửa nhà bà Nguyễn Thị N ở thôn A (nay là thôn E), xã K, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Phạm Tiến T đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu CUB 82 màu xanh, trắng, biển kiểm soát: 35AE – 085.56 trị giá 12.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị N; Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Tiến T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”

Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Tiến T đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo khi đến cơ quan Công an đầu thú ngày 17/11/2025 đã khai báo và tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp được cho cơ quan công an để trả lại cho bị hại Kiểm sát viên xác định là tình tiết giảm nhẹ hậu quả của hành vi phạm tội đã được khắc phục tại khoản 2 Điều 51 là chưa phù hợp; Hội đồng xét xử xác định tình tiết này là tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường khắc phục thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị xử lý trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ đã được xóa án tích, tiếp tục phạm tội mới.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi cố ý;

Bị cáo tuy phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo đã từng bị xử lý trách nhiệm hình sự không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý; Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì loại hình phạt và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe gắn máy hiệu

VIET THAI, loại CUB 82 biển kiểm soát: 35AE – 085.56 kèm theo chìa khóa xe; quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu, bà Nguyễn Thị N sau khi nhận lại xe, không có yêu cầu nào khác, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật và việc bồi thường dân sự đã xong do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại vấn đề này.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Ninh Bình; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát Khu vực 4- Ninh Bình, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì tại Bản án hình sự sơ thẩm Bản án số 46/HSST ngày 08/6/2007 của TAND tỉnh Thái Bình cũ (nay là TAND tỉnh Hưng Yên) xử phạt 02 năm tù đối với bị cáo Phạm Tiến T, sinh 02/07/1986 về tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” còn trong lý lịch bị can, danh bản, chỉ bản, Căn cước của bị cáo trong vụ án này thì bị cáo Phạm Tiến T, sinh năm 02/07/1987. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-VKS-KV4 ngày 02/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh N giám định dấu vân tay trong danh bản số 079 ngày 21/5/2006 với dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái in trên danh, chỉ bản số 880 lập ngày 23/12/2025 có phải cùng một người không. Tại Kết luận giám định số 2077/KL-KTHS ngày 15/5/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận: *“Dấu vân tay in trên bản sao “giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù” số 36/GCN ngày 03/07/2008 ghi tên Phạm Tiến T, sinh năm 1986 do trại giam công an tỉnh T cấp so với dấu vân tay ngón trỏ phải in trên danh, chỉ bản số 02 ghi tên Phạm Tiến T sinh ngày 02/07/1987 lập ngày 18/03/2026 là vân tay của cùng một người”*.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Phạm Tiến T, sinh năm 1986 bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm Bản án số 46/HSST ngày 08/6/2007 của TAND tỉnh Thái Bình và bị cáo Phạm Tiến T, sinh năm 1987 bị xét xử trong vụ án này có cùng là một người và sinh năm 1987.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án là có tội; tuy nhiên bị cáo là người hạn chế năng lực hành vi, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

[7] Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Tiến T 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Tiến T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/07/2026; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 02 bản;
- THADS tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- Bị cáo: 02 bản;
- Người bào chữa: 01 bản;
- Người đại diện hợp pháp: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu Vp và HCTP: 02 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh